

Số: 03/2021/QĐST- HNGĐ

Thành phố H, ngày 05 tháng 01 năm 2021

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ H, TỈNH THỪA THIÊN H

- Căn cứ hồ sơ vụ án Hôn nhân và Gia đình thụ lý số 532/2020/TLST- HNGĐ ngày 11 tháng 11 năm 2020 giữa:

***Nguyên đơn:** Chị Đỗ Thị Thanh T, sinh năm 1975; Nơi cư trú: 05/21 Xã T, phường Thuận H, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên H.

***Bị đơn:** Anh Nguyễn Văn B, sinh năm 1962; Nơi cư trú: 05/21 Xã Tắc, phường Thuận H, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên H.

***Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

Chị Đỗ Thị Thanh Th, sinh năm 1977 và anh Trần Đình D, sinh năm 1973; Cùng cư trú tại: 60/12 Xuân D, phường Phước V, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên H;

Ngân hàng Thương mại cổ phần Đại Chúng Việt Nam; Địa chỉ: 48 Hùng Vương, phường Phú Nhuận, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế.

- Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 3, Điều 6 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, Điều 55, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 25/12/2020.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 25/12/2020 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Đỗ Thị Thanh T và anh Nguyễn Văn B.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về hôn nhân: Chị Đỗ Thị Thanh T và anh Nguyễn Văn B chung sống vợ chồng không còn hạnh phúc, nguyên nhân do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống, nên từ tháng 5 năm 2019 đến nay vợ chồng không sống chung với nhau và không còn quan tâm, yêu thương nhau nữa. Do mâu thuẫn vợ chồng ngày càng

trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị Đỗ Thị Thanh T và anh Nguyễn Văn B cùng nhất trí thuận tình ly hôn.

2.2. Về nuôi con chung: Chị Đỗ Thị Thanh T và anh Nguyễn Văn B xác nhận vợ chồng chung sống có 02 con chung là Nguyễn Đỗ Ngọc H, sinh ngày 25/10/2000 và Nguyễn Đỗ Nhật H, sinh ngày 20/8/2005. Nguyễn vọng cháu H muốn ở với chị T, nên khi ly hôn anh B, chị T thỏa thuận giao cháu Nguyễn Đỗ Nhật H cho chị Đỗ Thị Thanh T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến thành niên (đủ 18 tuổi). Anh Nguyễn Văn B cấp dưỡng tiền nuôi cháu Nguyễn Đỗ Nhật H 7.000.000 đồng (bảy triệu đồng)/ tháng kể từ ngày quyết định có hiệu lực đến khi cháu Huy đủ 18 tuổi. Cháu Nguyễn Đỗ Ngọc H đã trưởng thành nên anh B, chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2.3. Về tài sản chung: Chị Đỗ Thị Thanh T và anh Nguyễn Văn B tự thỏa thuận giải quyết tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.4. Về nợ chung: Chị Đỗ Thị Thanh T và anh Nguyễn Văn B còn nợ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại Chúng Việt Nam- Chi nhánh Huế tính đến ngày 30/9/2020 là 43.000.000 đồng theo Hợp đồng tín dụng số 117/2017/HĐTD- PVB. HUE ngày 17/4/2012. Nay chị T, anh B đã trả xong số tiền nợ này cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại Chúng Việt Nam- Chi nhánh Huế nên không còn nợ nữa.

- Vay của vợ chồng em gái chị Đỗ Thị Thanh T là anh Trần Đình D và chị Đỗ Thị Thanh Th số tiền 120.000.000 đồng. Ngày 10/12/2020 vợ chồng anh D, chị Th đã có đơn không yêu cầu Tòa giải quyết khoản tiền vay này trong vụ án ly hôn. Do đó, vợ chồng anh D, chị Th và vợ chồng anh B, chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết khoản nợ chung này.

2.5. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Án phí ly hôn: Chị Đỗ Thị Thanh T và anh Nguyễn Văn B mỗi người phải chịu 75.000 đồng án phí ly hôn, nhưng chị T tự nguyện chịu toàn bộ án phí của cả hai người là 150.000 đồng.

- Án phí cấp dưỡng nuôi con định kỳ: Anh Nguyễn Văn B phải chịu 150.000 đồng theo quy định pháp luật, nhưng chị T tự nguyện chịu thay án phí này cho anh Bình.

Tổng cộng hai khoản án phí chị Đỗ Thị Thanh T phải chịu là 300.000 đồng, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị Tâm đã nộp 300.000 đồng tại

biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0000674 ngày 06/11/2020 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Huế. Chị Đỗ Thị Thanh T đã nộp đủ.

Trong trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, được bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung Luật thi hành án dân sự năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự và Điều 7a, 7b Luật sửa đổi, bổ sung Luật thi hành án dân sự năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh T T H
- VKSNDTP Huế;
- Chi cục THSADS TP H;
- UBND P. Xuân Phú, H
- (ĐKKH ngày 04/4/2000);
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

Nguyễn Lê Tuyết Linh